TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-9-2023
V/v *"tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thủy

2. Bà Nguyễn Thị Di

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền: Ông Vũ Văn Long.

Ngày 13 tháng 09 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2023/QĐXX-ST ngày 29 tháng 08 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: G, tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Như Phương V, sinh năm: 1977. (Có mặt)

Địa chỉ: G, tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X **trình bày:**

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Như Phương V đã sống chung vợ chồng và đăng kí kết hôn vào ngày 29-11-2001 theo đúng quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên, qua thời gian chung sống với nhau bà X và ông V đã phát sinh mâu thuẫn, rạn nứt về tình cảm. Từ những mâu thuẫn liên quan đến tình cảm, kinh tế, tài chính lo cho cuộc sống gia đình, không có sự chia sẻ đồng cảm với nhau, ông V hay uống rượu về gây gỗ chửi nhau với bà X, ông V còn hay đánh bài nên vợ chồng không thể giải quyết được mâu thuẫn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, ảnh hưởng cuộc sống của cả hai bên. Đã nhiều lần vợ chồng đã ngồi lại để nói chuyện với nhau nhưng cả hai đều không giải quyết được mâu thuẫn. Nay bà X

nhận thấy không còn tình cảm thương yêu nhau như trước, không thể tiếp tục sống chung với ông V nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà X được ly hôn với ông V để cả hai có cơ hội xây dựng cuộc sống mới.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong thời gian sống chung, bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Như Phương V có 04 người con chung là: Nguyễn Nguyên K, giới tính: nam, sinh năm 2002; Nguyễn Nguyên K1, giới tính: nam, sinh ngày 05-12-2008; Nguyễn Trúc L, giới tính: nữ, sinh ngày 26-11-2012 và Nguyễn Nguyên K2, giới tính: nam, sinh ngày 16-11-2015; hiện nay các cháu đang ở chung với bố mẹ. Ly hôn, do cháu K đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường và không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên bà X không yêu cầu tòa án giải quyết. Bà X yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi các con là cháu K1, L và K2; không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Như Phương V **trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ thống nhất với bà X về thời gian chung sống vợ chồng, thời gian đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông V cũng có uống rượu về say nên vợ chồng có cãi nhau, ông V cũng có đánh bài nhưng chỉ đánh ít và đánh vui chơi thôi không ảnh hưởng gì đến kinh tế gia đình. Mâu thuẫn phát sinh trầm trọng chỉ mới mấy tháng nay do bà X hay đi về trễ, ông V có nói nhiều lần nhưng bà X vẫn không thay đổi nên vợ chồng có cãi nhau. Nay do các con còn quá nhỏ nên ông V không đồng ý ly hôn với bà X.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Như Phương V có 04 người con chung là: Nguyễn Nguyên K, giới tính: nam, sinh năm 2002; Nguyễn Nguyên K1, giới tính: nam, sinh ngày 05-12-2008; Nguyễn Trúc L, giới tính: nữ, sinh ngày 26-11-2012 và Nguyễn Nguyên K2, giới tính: nam, sinh ngày 16-11-2015; hiện nay các cháu đang ở với bố mẹ. Ly hôn, do cháu K đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường và không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên ông V không yêu cầu tòa án giải quyết. Ông V không có ý kiến gì về con chung do ông V không đồng ý ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị X.

Về con chung: Đề nghị giao các cháu: Nguyễn Nguyên K1, giới tính: nam, sinh ngày 05-12-2008; Nguyễn Trúc L, giới tính: nữ, sinh ngày 26-11-2012 và Nguyễn Nguyên K2, giới tính: nam, sinh ngày 16-11-2015 cho bà Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi

dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Như Phương V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị X và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Như Phương V có địa chỉ tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy, Bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Như Phương V chung sống vợ chồng với nhau có đăng kí kết hôn vào năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc nên theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đìnhquan hệ hôn nhân giữa bà X và ông V là hôn nhân hợp pháp.

Từ những lời khai của các đương sự xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa bà X và ông V là có thật và trầm trọng nên quan hệ hôn nhân của bà X và ông V không hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà X là phù hợp nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X.

[3] Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Như Phương V có 04 người con chung là: Nguyễn Nguyên K, giới tính: nam, sinh năm 2002; Nguyễn Nguyên K1, giới tính: nam, sinh ngày 05-12-2008; Nguyễn Trúc L, giới tính: nữ, sinh ngày 26-11-2012 và Nguyễn Nguyên K2, giới tính: nam, sinh ngày 16-11-2015; hiện nay các cháu đang ở chung với bố mẹ. Ly hôn, do cháu K đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường và không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết. Bà X yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi các con là cháu K1, L và K2; không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Như Phương V không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu gì về con chung.

Xét thấy hiện nay các cháu K1, L và K2 còn nhỏ, để tránh cuộc sống của các cháu bị xáo trộn và để phù hợp với yêu cầu của bà X và các cháu cũng có nguyện vọng được sống chung với bà X sau khi bà X và ông Vũ ly hôn; hơn nữa ông V cũng không có yêu cầu gì về con chung nên Hội đồng xét xử thấy cần giao các cháu K1, L và K2 cho bà X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu K1, L và K2 đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; Ông Nguyễn Như Phương V không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị X; Xử cho bà Nguyễn Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Như Phương V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nguyên K1, giới tính: nam, sinh ngày 05-12-2008; Nguyễn Trúc L, giới tính: nữ, sinh ngày 26-11-2012 và Nguyễn Nguyên K2, giới tính: nam, sinh ngày 16-11-2015 cho bà Nguyễn Thị X được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Như Phương V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Như Phương V *có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.*

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí*:* Bà Nguyễn Thị X phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001667, ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền; bà X đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Như Phương V không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Như Phương V biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13-9-2023).

Nơi nhận:
- TA Tỉnh BRVT;
- VKSND huyện Long Điền;
- THADS huyện Long Điền;
- UBND xã Phước Tỉnh, Huyện Long Điền, tỉnh BRVT;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thu Hiền